

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 9 - 2022

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Song Hà.
2. Ông Bùi Hữu Soi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa dân sự sơ thẩm giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị B**, sinh ngày 16/5/1985; địa chỉ cư trú: **Số E, tổ A, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, V**; có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Yang Wei K**, sinh ngày 21/9/1963; địa chỉ cư trú: **Số A, Lộ M, Đ, Khóm D, phường H, thị trấn K, huyện C, Đ**; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 6 năm 2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn **Đỗ Thị B** trình bày là chị **B** anh **Yang Wei K** quen biết nhau do người quen mai mối và ngày 08/6/2004 có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân tỉnh Đ** theo giấy chứng nhận kết hôn số 1046. Sau khi kết hôn, vợ chồng đến **Đ** sinh sống, đầu năm 2005 giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị **B** chưa biết tiếng **Đ** và chưa sinh được con nên gia đình chồng đối xử không tốt với chị **B**. Do không thể tiếp tục sống chung được với chồng và gia đình chồng nên chị **B** về **V** sinh sống từ tháng 6/2005 đến nay. Nhận thấy hôn nhân không

hạnh phúc, chị B yêu cầu được ly hôn anh Yang Wei K. Về con chung không có. Về tài sản chung không có. Về nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Vụ án ly hôn giữa chị Đỗ Thị B là công dân Việt Nam và anh Yang Wei K là công dân nước ngoài, quốc tịch T (Đ) thuộc thẩm quyền chung của Tòa án V trong giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án; tranh chấp về ly hôn mà có đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh; chị B cư trú tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp và anh Yang Wei K không có nơi cư trú ở Việt Nam nên Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo đơn khởi kiện của chị B là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 38, khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc ly hôn này được áp dụng pháp luật Việt Nam giải quyết.

Cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đ đã thực hiện ủy thác tư pháp tại Công văn số 48/TTTPDS-TA20 ngày 02/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đối với đương sự Yang Wei K và Tòa án đã nhận được kết quả thực hiện ủy thác tư pháp nhưng đương sự Yang Wei K vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự Yang Wei K là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân:

Việc chị Đỗ Thị B và anh Y Wei Kuei đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Đ vào ngày 08/6/2004 theo giấy chứng nhận kết hôn số 1046 đã tuân thủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Pháp luật hôn nhân và gia đình quy định sau khi kết hôn vợ, chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác. Sau khi kết hôn, chị B có đến Đ chung sống cùng anh Yang Wei K nhưng do bất đồng ngôn ngữ, chị B chưa sinh con đã dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng, giữa chị B với gia đình chồng và vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2005 đến nay. Đối với anh Yang Wei K đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và các giấy tờ có liên quan nhưng không có văn bản về ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị B.

Từ những căn cứ trên, xét thấy chị B và anh Yang Wei K có vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy việc chị B yêu cầu được ly hôn anh Yang Wei K là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Tòa án chấp nhận và quyết định cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị B và anh Yang Wei K.

[3] Về nuôi con chung: Chị B trình bày chị B và anh Y Wei Kuei không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về chia tài sản: Chị B trình bày chị B và anh Y Wei Kuei không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị B trình bày không có.

[6] Về án phí: Chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

[7] Về chi phí tố tụng: Chị B phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 38, khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 56, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị B và anh Yang Wei K.
2. Về nuôi con chung: Chị B trình bày không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.
3. Về chia tài sản: Chị B trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.
4. Về nợ chung: Chị B trình bày không có.
5. Về án phí: Chị Đỗ Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0004538 ngày 23/11/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.
6. Về chi phí tố tụng: Chị Đỗ Thị B phải chịu 200.000 đồng lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp

200.000 đồng theo biên lai số 0004829 ngày 15/12/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

7. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án của Tòa án cấp sơ thẩm lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Thời hạn kháng cáo của chị **B** là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án và thời hạn kháng cáo của anh **Y** Wei Kuei là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- Cục THADS Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TAT;
- Các đương sự;
- UBND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án (N).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Hằng